

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/6/2021

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa anh Ân Minh Đ và chị Trần Thị P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng.
2. Ông Ma Quốc Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ân Minh Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn anh Ân Minh Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị P kết hôn năm 2011, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2011 tại UBND xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi

kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng đi làm công ty, ít khi gia đình được đoàn tụ vì vậy đã không còn tình cảm. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị có cãi chửi nhau, được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì tới nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

Về con chung: Anh xác định anh và chị P có 02 người con chung là cháu Ân Kiều O, sinh ngày 21/8/2014 và cháu Ân Kiều T, sinh ngày 18/4/2011, hiện các cháu còn nhỏ, đang ở cùng với anh và ông bà nội tại thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu O và Trang, anh không đề nghị chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản, công nợ gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Trần Thị P đến để giải quyết vụ án nhưng chị P đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị P vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; nhà bố mẹ đẻ chị P ở thôn Tân Phú, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Theo lời khai của ông Trần Văn P (là bố đẻ của chị P) thì chị P và anh Đ có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới anh chị làm ăn, sinh sống lại địa phương, có xây nhà ra ở riêng, không ở cùng gia đình nhà chồng. Khoảng năm 2018 thì anh Đ và chị P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không còn yêu thương nhau nữa, dẫn tới có xô xát, đánh cãi chửi nhau vài lần. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh chị vẫn không thay đổi. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2019 tới nay không còn chung sống với nhau nữa. Hiện nay, chị P đang đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, có liên lạc với gia đình ông nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình ông có nhận được các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho chị P biết nhưng chị P nói chị bận việc không về giải quyết được, chị P nhất trí ly hôn với anh Đ, về con chung do chị đang đi làm ăn xa nên nhường quyền nuôi hai con lại cho anh Đ, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, còn về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự (không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương).

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ân Minh Đ được ly hôn với chị Trần Thị P.

- Về con chung: Giao cháu Ân Kiều O và cháu Ân Kiều T cho anh Ân Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Anh Ân Minh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo cung cấp của Công an xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thì chị Trần Thị P có hộ khẩu thường trú tại thôn Văn Sòng, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị P đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương nhưng không chuyển khẩu, không báo tạm vắng, tạm trú, không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ chị P ở đâu ở tỉnh Bình Dương. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị P đã thông báo cho chị P nhưng chị P vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ân Minh Đ và chị Trần Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2020 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Ân Minh Đ là xử cho anh Đ được ly hôn với chị Trần Thị P.

[3] Về con chung: Anh Ân Minh Đ và chị Trần Thị P có 02 con chung là cháu Ân Kiều O, sinh ngày 21/8/2014 và cháu Ân Kiều T, sinh ngày 18/4/2011. Xét thấy, hai cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng anh Đ, cháu Trang có nguyện vọng được ở với anh Đ, anh Đ hiện có nơi cư trú ổn định; chị P không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Trang và cháu O cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Ân Minh Đ xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ân Minh Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ân Minh Đ được ly hôn với chị Trần Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Ân Kiều T, sinh ngày 18/4/2011 và cháu Ân Kiều O, sinh ngày 21/8/2014 cho anh Ân Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ân Minh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003820 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Trần Thị P không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng

Ma Quốc Thế

Hoàng Thị Minh Khánh